TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNGH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 10/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNGH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Bà Dương Thị Tú Phương.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117 ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà N T H, sinh năm 1955;
Địa chỉ: ấp 20, xã Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Đồng bị đơn: ÔngT V T, sinh năm 1976.
Bà N T R.
Địa chỉ: ấp Phước Ninh, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(BàH, ông T có đơn xin vắng mặt, bà R vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N T H trình bày: vào ngày 01/01/2021 (âm lịch) bà có cho con bà tênT V T, con dâu tên N T R mượn số tiền 25.000.000 đồng, sau đó bà có cho mượn tiếp mấy lần nửa bằng tổng số tiền 1.500.000 đồng, việc cho mượn tiền không có làm giấy tờ, không có người làm chứng nhưng tại buổiH giải của Chính quyền ấp Phước Ninh, xã Phước lOng, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu thìT V T có thừa nhận còn thiếu bà tổng số tiền 26.500.000 đồng. Nay cá nhân bà N T H yêu cầu ôngT V T, bà N T R trả số tiền cho mượn là 26.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ôngT V T trình bày: vào ngày 01/01/2021 (âm lịch) ông và vợ tên N T R có mượn của mẹ ruột ông tên N T H tổng số tiền 30.500.000 đồng, sau đó có trả cho bàH số tiền 4.000.000 đồng, hiện tại ông và vợ ông N T R còn bàH số tiền 26.500.000 đồng nhưng do hiện tại nuôi tôm bị thất bại nên chưa có tiền trả. Nay ông đồng ý trả cho bàH số tiền 26.500.000 đồng nhưng cho ông trả từ từ mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Bị đơn bà N T R đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án nhân dân huyện Phước Long nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàH. Buộc ông T, bà R có nghĩa vụ trả cho bàH số tiền 26.500.000 đồng. Về án phí: Buộc ông T, bà R phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N T H khởi kiện ôngT V T, bà N T R đòi tiền cho mượn; ông T, bà R có địa chỉ cư trú tại ấp Phước Ninh, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long. BàH, ông T có đơn xin vắng mặt, bà R vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt bàH, ông T, bà R là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bàH kiện đòi ôngT V T, bà N T R đòi số tiền mượn là 26.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi: cả bàH và ông T đều thừa nhận hiện tại ông T, bà R còn nợ tiền mượm của bàH số tiền 26.500.000 đồng và đây là nợ chung của ông T, bà R. Xét thấy, sự thừa nhận của các đương sự là tài liệu, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàH đòi ông T, bà R trả tiền mượn số tiền 26.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ôngT V T, bà N T R phải chịu án phí giá ngạch số tiền 1.325.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long. Bà N T H thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, có đơn xin miễm tạm ứng án phí, án phí.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 92 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 và 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T H kiện đòi ôngT V T, bà N T R trả tiền mượn số tiền 26.500.000 đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc ôngT V T, bà N T R có nghĩa vụ trả cho bà N T H tiền mượn số tiền 26.500.000 đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ôngT V T, bà N T R phải chịu án phí giá ngạch số tiền 1.325.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long. Bà N T H thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, có đơn xin miễm tạm ứng án phí, án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nôi nhaän
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

Quách Thanh Tồn